TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 476/2025/DS-ST
Ngày: 16/9/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ
2. Bà Thái Thục Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 338/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 04 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 263/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng NA**

Trụ sở: số 201-203 CMT8, phường BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Ngô Phúc V, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng NA, địa chỉ: SR18-SR19 Trung tâm thương mại QN, 07 NTT, phường LTK, thành phố QN, tỉnh BĐ (nay là SR18-SR19 Trung tâm thương mại QN, 07 NTT phường QN, tỉnh Gia Lai) theo Giấy ủy quyền số 1457/2023/UQQT-NHNA ngày 23/11/2023 có ông Nguyễn Danh Th là đại diện theo pháp luật;

Ủy quyền lại cho ông Đinh Văn T theo Văn bản ủy quyền số 832E/2023/UQ-AMC ngày 23/11/2023; ông Phan Hải Đ, ông Nguyễn Minh Th, bà Nguyễn Lê Hoàng Gi theo Văn bản ủy quyền số 69/2025/UQ-AMC ngày 18/02/2025 (vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Võ Minh T**, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Cư trú tại: số 450/9 DBT, phường CH (phường A, Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 24 tháng 02 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng NA có người đại diện theo ủy quyền là ông Phan Hải Đ, ông Nguyễn Minh Th, bà Nguyễn Lê Hoàng Gi trình bày:

Ngày 10/01/2023, Ngân hàng NA (gọi tắt là Ngân hàng NA) – Phòng giao dịch CH và ông Võ Minh T đã ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0006/2023/908-CV (bao gồm Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Nam A Bank – các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng tín dụng), Ngân hàng NA đã phát hành cho ông T 03 sản phẩm thẻ cùng hạn mức là 150.000.000 đồng, cụ thể:

1. Sản phẩm thẻ VCCS Cashcard Credit Main Card với số tài khoản 390814892950002. Số thẻ: 970428xxxxxx7326; Ngày phát hành: 17/01/2023; Ngày kích hoạt: 31/01/2023; Lãi suất trong hạn: 36%/năm; Lãi suất quá hạn: 54%/năm; Mục đích vay: Tiêu dùng.

Từ thời điểm mở sử dụng thẻ đến ngày 16/9/2025, ông T không thực hiện giao dịch nhưng trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng có phát sinh tổng phí và phí chậm thanh toán là 1.400.000 đồng và ông T thực hiện các giao dịch thanh toán cho Ngân hàng NA với tổng số tiền là 330.406 đồng.

Tại thời điểm kỳ tháng 4/2023 đến kỳ tháng 10/2023, ông T không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nên phát sinh lãi trong hạn 36%/năm và phí chậm thanh toán. Theo khoản 5 Điều 9 Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng NA thứ tự ưu tiên thanh toán dư nợ (Đối với tài khoản quản lý thẻ trong hạn, thứ tự ưu tiên thanh toán từng mục nêu trên sẽ được xét độc lập từng kỳ thông báo giao dịch (ưu tiên trừ các khoản phí đến lãi rồi đến gốc)). Sau khi ông T kích hoạt thẻ thì sẽ ưu tiên thanh toán các mục nêu trên và số tiền gốc hiện tại còn lại là 1.089.594 đồng (Chi tiết theo tóm tắt sao kê).

Từ kỳ tháng 7/2023 đến kỳ tháng 10/2023 là 04 kỳ liên tiếp ông T không thanh toán, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo (khoản 39 Điều 1, khoản 1 Điều 10 và Điều 12 của Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Nam A Bank), nên Ngân hàng NA đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, thực hiện khóa thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (áp dụng lãi suất 54%/năm) từ kỳ tháng 11/2023 theo (Điều 10, Điều 11 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Nam A Bank).

Tổng số tiền sản phẩm thẻ VCCS Cashcard Credit Main Card ông T còn nợ Ngân hàng NA tạm tính đến ngày 16/9/2025 là 2.301.998 đồng, trong đó: nợ gốc 1.089.594đồng, nợ lãi trong hạn 96.897đồng, nợ lãi quá hạn 1.115.507đồng.

2. Sản phẩm thẻ MC EMV Platinum Credit Main Card với số tài khoản 690814892950003. Số thẻ: 533968xxxxxx1413; Ngày phát hành: 17/01/2023; Ngày

kích hoạt: 31/01/2023; Lãi suất trong hạn: 30%/năm; Lãi suất quá hạn: 45%/năm; Mục đích vay: Tiêu dùng.

Từ thời điểm mở sử dụng thẻ đến ngày 16/09/2025, ông T thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 226.535.484 đồng và thực hiện các giao dịch thanh toán cho Ngân hàng NA với tổng số tiền là 231.447.407 đồng. Lần cuối cùng ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng NA là kỳ tháng 7/2023.

Tại thời điểm kỳ tháng 3/2023 đến kỳ tháng 7/2023, ông T không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nên phát sinh lãi trong hạn 30%/năm và phí chậm thanh toán. Theo khoản 5 Điều 9 Bản Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng NA quy định thứ tự ưu tiên thanh toán dư nợ (Đối với tài khoản quản lý thẻ trong hạn, thứ tự ưu tiên thanh toán từng mục nêu trên sẽ được xét độc lập từng kỳ thông báo giao dịch (ưu tiên trừ các khoản phí đến lãi rồi đến gốc)). Sau khi ông T thực hiện các giao dịch thanh toán cho Ngân hàng NA thì sẽ ưu tiên thanh toán các mục nêu trên và số tiền gốc hiện tại còn lại là 322.160 đồng. (Chi tiết theo tóm tắt sao kê)

Từ kỳ tháng 8/2023 đến kỳ tháng 11/2023 là 04 kỳ liên tiếp ông T không thanh toán, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo (khoản 39 Điều 1, khoản 1 Điều 10 và Điều 12 của Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Nam A Bank), nên Ngân hàng NA đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, thực hiện khóa thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (áp dụng lãi suất 45%/năm) từ kỳ tháng 12/2023 theo (Điều 10, Điều 11 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Nam A Bank).

Tổng số tiền sản phẩm thẻ MC EMV Platinum Credit Main Card ông T còn nợ Nam A Bank tạm tính đến ngày 16/9/2025 là 1.733.039đồng, trong đó: nợ gốc 322.160đồng, nợ lãi trong hạn 1.111.542đồng, nợ lãi quá hạn 299.337đồng.

3. Sản phẩm thẻ JCB EMV HappyGolf Credit Main Card với số tài khoản 790814892950001. Số thẻ: 356519xxxxxx3984; Ngày phát hành: 17/01/2023; Ngày kích hoạt: 31/01/2023; Lãi suất trong hạn: 30%/năm; Lãi suất quá hạn: 45%/năm; Mục đích vay: Tiêu dùng.

Từ thời điểm mở sử dụng thẻ đến ngày 16/09/2025, ông T thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 150.759.000 đồng và thực hiện các giao dịch thanh toán cho Ngân hàng NA với tổng số tiền là 9.317.259 đồng. Lần cuối cùng ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng NA là kỳ tháng 6/2023.

Tại thời điểm kỳ tháng 3/2023 đến kỳ tháng 10/2023, ông T không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nên phát sinh lãi trong hạn 30%/năm và phí chậm thanh toán. Theo khoản 5 Điều 9 Bản Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng NA quy định thứ tự ưu tiên thanh toán dư nợ (Đối với tài khoản quản lý thẻ trong hạn, thứ tự ưu tiên thanh toán từng mục nêu trên sẽ được xét độc lập từng kỳ thông báo giao dịch (ưu tiên trừ các khoản phí đến lãi rồi đến gốc)). Sau khi ông T thực hiện các giao dịch thanh toán cho Ngân hàng NA thì sẽ ưu tiên thanh toán các mục nêu trên và số tiền gốc hiện tại còn lại là 148.812.092 đồng. (Chi tiết theo tóm tắt sao kê)

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Mặc dù Ngân hàng NA đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông T trả nợ, nhưng ông T vẫn không thực hiện. Lần cuối cùng ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng NA là kỳ tháng 6/2023.

Từ kỳ tháng 7/2023 đến kỳ tháng 10/2023 là 04 kỳ liên tiếp ông T không thanh toán, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo (khoản 39 Điều 1, khoản 1 Điều 10 và Điều 12 của Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Nam A Bank), nên Ngân hàng NA đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, thực hiện khóa thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (áp dụng lãi suất 45%/năm) từ kỳ tháng 11/2023 theo (Điều 10, Điều 11 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Nam A Bank).

Kể từ ngày cuối cùng thanh toán là tháng 06/2023, ông Võ Minh T đã không thanh toán mặc dù Ngân hàng NA đã thực hiện nhắc nhở bằng nhiều biện pháp. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 12 của Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng NA), sau khi ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng NA đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn từ kỳ tháng 11/2023, 12/2023 và 11/2023 lần lượt đối với các sản phẩm thẻ tín dụng như trên (theo Điều 10 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng NA).

Vì vậy, Ngân hàng NA yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Tuyên buộc ông Võ Minh T có nghĩa vụ thanh toán một lần cho Ngân hàng NA toàn bộ số tiền 03 sản phẩm thẻ tạm tính đến ngày 16/9/2025 là 298.967.891 (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi tám triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi mốt) đồng, trong đó : nợ gốc 150.223.846đồng, nợ lãi trong hạn 18.902.329đồng, nợ lãi quá hạn là 129.841.716đồng.

Trong thời gian chưa thanh toán đầy đủ nghĩa vụ, ông T vẫn phải chịu lãi suất phát sinh theo quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Võ Minh T đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do chính đáng. Ông T không có bản trình bày lời khai của mình về vụ án cũng như Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng NA và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0006/2023/908-CV ngày 10/01/2023, xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường CH (phường A, Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 (Tòa án nhân dân Quận 8 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thu ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các

Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn thiếu tính đến ngày 16/9/2025 tổng cộng là 298.967.891 (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi tám triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi mốt) đồng, trong đó : nợ gốc 150.223.846 đồng, nợ lãi trong hạn 18.902.329 đồng, nợ lãi quá hạn là 129.841.716 đồng. Ông T tiếp tục phải thanh toán số tiền lãi phát sinh từ ngày 17/9/2025 trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán dứt nợ. Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét, đơn khởi kiện của Ngân hàng NA và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về "tranh chấp hợp đồng tín dụng". Do bị đơn cư ngụ tại phường CH (phường A, Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 (Tòa án nhân dân Quận 8 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn- Ngân hàng NA có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Lê Hoàng Gi, ông Phan Hải Đ, ông Nguyễn Minh Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn – ông Võ Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Do cả nguyên đơn và bị đơn trong vụ án đều vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, Ngân hàng NA yêu cầu ông Võ Minh T phải thanh toán số tiền còn thiếu của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0006/2023/908-CV (bao gồm Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Nam A Bank) tính đến ngày 16/9/2025 là 298.967.891 (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi tám triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi mốt) đồng, trong đó : nợ gốc

150.223.846 đồng, nợ lãi trong hạn 18.902.329 đồng, nợ lãi quá hạn là 129.841.716 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông T đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông T không đến Tòa theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng. Điều này xem như ông T từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ tố tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi cho mình.

Căn cứ vào Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0006/2023/908-CV ngày 10/01/2023 ký giữa Ngân hàng NA và ông Võ Minh T để phát hành cho ông T 03 sản phẩm thẻ cùng hạn mức là 150.000.000 đồng, cụ thể:

- Sản phẩm thẻ VCCS Cashcard Credit Main Card với số tài khoản 390814892950002.

- Sản phẩm thẻ MC EMV Platinum Credit Main Card với số tài khoản 690814892950003.

- Sản phẩm thẻ JCB EMV HappyGolf Credit Main Card với số tài khoản 790814892950001.

Các thẻ có cùng các nội dung: Ngày phát hành: 17/01/2023; Ngày kích hoạt: 31/01/2023; Lãi suất trong hạn: 30%/năm; Lãi suất quá hạn: 45%/năm; Mục đích vay: Tiêu dùng.

Trong quá trình sử dụng thể, ông T đã thực hiện giao dịch của 03 thẻ với tổng số tiền là 378.694.480 đồng. Tính đến tháng 6/2023 ông T đã trả được số tiền 241.095.072 đồng (bao gồm nợ gốc, lãi, phí). Từ ngày 06/2023 ông T đã không thanh toán nợ theo thỏa thuận cho Ngân hàng NA.

Do ông T liên tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong quá trình sử dụng thẻ, Ngân hàng NA nhiều lần nhắc nợ, ông T vẫn không thực hiện đúng việc thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn từ kỳ tháng 11/2023, 12/2023 và 11/2023 lần lượt đối với các sản phẩm thẻ tín dụng như trên là phù hợp quy định tại khoản 39 Điều 1, khoản 1 Điều 10 và Điều 12 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Nam A Bank; đúng quy định pháp luật tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó, Ngân hàng NA yêu cầu ông Võ Minh T có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 16/9/2025 là 298.967.891 (*Bằng chữ: Hai trăm chín mươi tám triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi mốt)* đồng, trong đó : nợ gốc 150.223.846 đồng, nợ lãi trong hạn 18.902.329 đồng, nợ lãi quá hạn là 129.841.716 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 17/9/2025, nếu ông Võ Minh T vẫn chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ, ông Võ Minh T vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng NA được chấp nhận nên bị đơn ông T phải chịu án phí trên số tiền phải trả là: 298.967.891 đồng x 5% = 14.984.395 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025.

- Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng NA .

Buộc ông Võ Minh T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng NA số tiền tính đến ngày 16/9/2025 là 298.967.891 (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi tám triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi mốt) đồng, trong đó: nợ gốc 150.223.846 đồng, nợ lãi trong hạn 18.902.329 đồng, nợ lãi quá hạn là 129.841.716 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 17/9/2025, ông Võ Minh T phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi quá hạn, lãi chậm trả phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0006/2023/908-CV ngày 10/01/2023 (bao gồm Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Nam A Bank) cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 14.984.395 (Mười bốn triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi lăm) đồng, ông Võ Minh T phải chịu, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng NA số tiền tạm ứng án phí là 6.245.484 đồng theo biên lai thu số 0068581 ngày 31/03/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà

có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV10;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Doãn Thị Nga